

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-11-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Lê Hoàng T tự nguyện sống chung vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, không quan tâm, chăm sóc gia đình, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng T.

- Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải

quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ anh T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của **Bộ luật Tố tụng dân sự**. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hoàng T kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa chị H và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh T. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa chị H và anh Lê Hoàng T, anh T có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, anh Lê Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T. Anh T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hoàng T kết hôn vào năm 2013 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc gia đình và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H. Tòa án triệu tập hòa giải nhưng anh T không đến cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H trình bày không có con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu

giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Lê Hoàng T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị H trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021113** ngày 20-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng T có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi anh T cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã **Y** (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu